

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25-3-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGD ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, cư trú tại: Thôn Lê Lợi 02, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh L. E. P, cư trú tại: 13 Dolgoti-ro 8 ra-gil, Seongbuk-gu, Seoul, Korea. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:* Ngày 21/12/2017, chị M đăng ký kết hôn với anh L. E. P là người Hàn Quốc tại UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh L. E. P về Hàn Quốc và hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Năm 2018, chị M đón cháu Nguyễn Bá Duy A (con riêng của chị M) về chung sống. Anh L. E. P biết tin chị M có ý định đón cháu Duy A thì anh L. E. P không đồng ý và ngăn cấm. Kể từ đó chị M và anh L. E. P nảy sinh mâu thuẫn và anh L. E. P không liên lạc với chị M từ đó tới nay. Chị M đã tìm mọi cách để liên lạc lại với anh L. E. P nhưng không có kết quả. Sau hơn một năm tìm kiếm

không được chị M nhận thấy không còn hy vọng gì về mối quan hệ với anh L. E. P. Hơn nữa, chị M nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh L. E. P. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L. E. P. Chị M và anh L. E. P không có con chung và tài sản chung nên chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L. E. P theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp nhưng không có kết quả. Vì vậy, không có lời khai của anh L. E. P.

Tại phiên tòa, chủ tọa công bố các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công bố đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh L. E. P. Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị M và anh L. E. P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng;

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, cư trú tại thôn L, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bị đơn anh L. E. P hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình (Sau đây viết tắt là LHN&GD); khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh L. E. P. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn.

[3]. Xét sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L. E. P tại Hàn Quốc nhưng không có kết quả do địa chỉ không đúng. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ đúng nhưng nguyên đơn không thể cung cấp và có yêu cầu Tòa án thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện của Việt Nam ở Hàn Quốc và Tòa án đã thực hiện theo yêu cầu của đương sự. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 BLTTDS, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt anh L. E. P khi hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng thông báo. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

- Về nội dung;

[4]. Xét quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L. E. P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng ngày 21/12/2017. Căn cứ Điều 8, 9, 123 LHN&GD và điểm a khoản 2 Điều 7 của Luật Hộ tịch xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, chị M và anh L. E. P không có thời gian chung sống với nhau. Khi chị M đón cháu Duy A (con riêng của chị M) về chung sống thì anh anh L. E. P không đồng ý và không liên lạc với chị M. Chị M đã tìm mọi cách để liên lạc với anh anh L. E. P nhưng không được. Hơn nữa, chị M không còn tình cảm với L. E. P và cũng không còn hy vọng gì về mối quan hệ vợ chồng với anh L. E. P. Xét thấy; cuộc sống chung giữa chị M và anh L. E. P không tồn tại, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 LHN&GD chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị M được ly hôn với anh L. E. P.

[5]. Về con chung, tài sản chung: Chị M và anh L. E. P không có và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 153 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 37, 40, 153, 227, 228, 273, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 7 Luật Hộ tịch;

Căn cứ Điều 8, 9, 51, 55, 122, 126, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh L. E. P.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0008401, ngày 20/9/2019 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và các chi phí tố tụng khác, nhưng được trừ vào số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0008402, ngày 20/9/2019 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh L. E. P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đăng Khoa      Nguyễn Thị Mai Vinh**

**Nguyễn Văn Dương**